TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2017/ DS-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Bạn;

2. Ông Nguyễn Văn Trai.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2017/QĐXX-ST ngày ngày 11 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2017/QĐHPT-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T; trụ sở: Tầng 2 tòa nhà Ree, số 9, Đoàn Văn B, phường L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Danh Sơn, sinh năm 1992; trú tại: KTX Kim Anh, số 220, tổ 110, K8, phường H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Thanh B, sinh năm 1975; trú tại: Ô 12, lô D, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/10/2015 ông Đặng Thanh B có ký hợp đồng tín dụng số 20151029-704053-0010 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T để vay số tiền 44.261.944đồng, lãi suất 4.59%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, ông Bình có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam V số tiền 91.265.000đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu trả mỗi tháng 2.536.000 đồng, tháng cuối trả 2.505.000đồng. Kỳ thanh toán đầu tiền vào ngày 04.12.2015.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ tiền nhưng mới thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T 02 lần với số tiền 5.085.949 đồng. Kể từ ngày 17/3/2016 đến nay ông B không thanh toán tiền vay theo thỏa thuận.

Nay, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông B phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty số tiền tổng cộng là 65.071.570đồng (nợ gốc đến hạn là 30.418.051 đồng và nợ gốc chưa đến hạn là 34.653.519đồng). Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Văn bản thỏa thuận về việc tất toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới (bản sao); Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (bản sao).

Bị đơn ông Đặng Thanh B trình bày:

Ông B thừa nhận có vay tín chấp của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 44.261.944đồng, lãi suất 4.59%/tháng để tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng tín dụng số 20151029-704053-0010 ngày 29/10/2015, theo hợp đồng tôi có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 91.265.000đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng, 35 tháng đầu trả mỗi tháng 2.536.000 đồng, tháng cuối trả 2.505.000đồng. Kỳ thanh toán đầu tiền vào ngày 04.12.2015 như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, do khó khăn kinh tế nên sau khi vay tôi chỉ thanh toán cho nguyên đơn 02 lần đến nay thì không còn khả năng thanh toán tiếp.

Nay, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu tôi thanh toán tiền gốc và tiền lãi tổng cộng số tiền là 65.071.570đồng (nợ gốc đến hạn là 30.418.051 đồng và nợ gốc chưa đến hạn là 34.653.519đồng thì tôi đồng ý. Tuy nhiên, hiện nay tôi không có khả năng thanh toán ngay, tôi xin thanh toán hàng tháng theo đúng như số tiền quy định trong hợp đồng là 2.536.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

a) Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu thanh toán tiền nợ vay, nguyên đơn xác định địa chỉ của bị đơn tại Ô 12, lô D, khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện*:

Ông Đặng Thanh B vay tiền của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T vào ngày 29/10/2015, sau khi vay tiền ông B không thực hiện đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, ngày 11/5/2017 Ngân hàng khởi kiện ông B để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có quyền khởi kiện và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 186 và Điều 429 Bô luật dân sự 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B có đến tòa để cung cấp lời khai, hòa giải. Tuy nhiên khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông B vẫn không có mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

b) Về nội dung vụ án:

[4] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng vay tài sản là 65.071.570đồng, bị đơn thống nhất với nguyên đơn về số tiền vay và số tiền phải thanh toán nhưng bị đơn cho rằng hiện nay kinh tế gia đình đang khó khăn nên không có tiền trả ngaycho nguyên đơn mà yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý.

[5] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình như sau: Văn bản thỏa thuận về việc tất toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới (bản sao); Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (bản sao). Bị đơn thống nhất với nguyên về số tiền vay và số nợ phải thanh toán nhưng bị đơn xác định không có khả năng thanh toán ngay cho nguyên đơn mà xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì sự thừa nhận của đương sự là chứng cứ không phải chứng minh. Từ các căn cứ trên xét thấy có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ vay tài sản. Quyền và nghĩa vụ của các bên bị ràng buộc theo hợp đồng vay tài sản (được lập dưới hình thức "Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" đã ký giữa các bên. Nội dung các văn bản trên thể hiện ông B có vay của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 44.261.944đồng và số tiền lãi đến khi tất toán hợp đồng là 91.265.000đồng (gồm cả gốc và lãi). Quá trình vay, ông B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B phải thanh số tiền vay tổng cộng 65.071.570đồng (nợ gốc đến hạn là 30.418.051 đồng và nợ gốc chưa đến hạn là 34.653.519đồng (không yêu cầu tính lãi) là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bị đơn cho rằng hiện nay gia đình khó khăn không có tiền trả ngay cho nguyên đơn mà xin trả dần hàng tháng theo thỏa thuận của hợp đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Xét thấy, bị đơn không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận quy định tại hợp đồng về việc thanh toán số tiền vay, nay lại tiếp tục yêu cầu xin trả dần hàng tháng là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 65.071.570đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Quá trình tố tụng phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi là 65.071.570đồng mà không yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của hợp đồng. Đây là sự tự nguyên của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

[7] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông B phải chịu theo quy định pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với ông Đặng Thanh B.

2. Buộc ông Đặng Thanh B phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 65.071.570đ (sáu mươi lăm triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn năm trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Thanh B phải chịu 3.253.578đ (ba triệu hai trăm năm mươi ba ngàn năm trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí là 1.626.789đ (một triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015333 ngày 02/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Thiệu Văn Kết Em

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thiệu Văn Kết Em

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**